

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÀNH CÔNG

**PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM
TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÀNH CÔNG

**PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM
TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Mã số: 62 31 05 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN THỊ THƠM

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Nguyễn Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM	7
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển dịch vụ việc làm	7
1.2. Kết luận rút ra từ các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh	26
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ	30
2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của dịch vụ việc làm trong phát triển kinh tế - xã hội	30
2.2. Khái niệm, nội dung và các chỉ tiêu đánh giá phát triển dịch vụ việc làm	40
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ việc làm	56
2.4. Kinh nghiệm phát triển dịch vụ việc làm của một số địa phương trong nước và bài học rút ra cho Hà Nội	62
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI	71
3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội	71
3.2. Thực trạng phát triển dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009 - 2016	77
3.3. Những hạn chế trong phát triển dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội và nguyên nhân	106
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2025	117
4.1. Quan điểm và phương hướng phát triển dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội	117
4.2. Giải pháp phát triển dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	126
KẾT LUẬN	148
KHUYẾN NGHỊ	150
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DVVL	: Dịch vụ việc làm
GDVL	: Giao dịch việc làm
GTVL	: Giới thiệu việc làm
HTX	: Hợp tác xã
KCN	: Khu công nghiệp
KCX	: Khu chế xuất
LĐ-TB&XH	: Lao động - Thương binh và Xã hội
NLĐ	: Người lao động
NTV	: Người tìm việc
TTLĐ	: Thị trường lao động

DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1: Hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển dịch vụ việc làm	53
Bảng 3.1: Mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009 - 2016	78
Bảng 3.2: Số lượng chi nhánh của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	79
Bảng 3.3: Người lao động đánh giá về sự phù hợp của các nghề do trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo với nhu cầu thị trường	84
Bảng 3.4: Đánh giá của người lao động về sự đa dạng, phong phú của thông tin thị trường lao động của các trung tâm dịch vụ việc làm	87
Bảng 3.5: Đánh giá của người lao động về hoạt động thông tin thị trường lao động của các trung tâm dịch vụ việc làm	89
Bảng 3.6: Đánh giá của người lao động về hoạt động giới thiệu việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm	91
Bảng 3.7: Đánh giá của người lao động về sự phù hợp với nhu cầu của hoạt động giới thiệu việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm	92
Bảng 3.8: Mức độ hài lòng của người lao động về thái độ phục vụ của các trung tâm dịch vụ việc làm	96
Bảng 3.9: Mức độ hài lòng của người lao động về độ tin cậy đối với các trung tâm dịch vụ việc làm	97
Bảng 3.10: Mức độ hài lòng của người lao động về năng lực phục vụ của các trung tâm dịch vụ việc làm	98
Bảng 3.11: Đánh giá của người lao động về việc tiếp tục sử dụng dịch vụ của các trung tâm dịch vụ việc làm	99
Bảng 3.12: Mức độ chủ động tiếp cận với doanh nghiệp tuyển dụng lao động của các trung tâm dịch vụ việc làm	100

Bảng 3.13: Đánh giá của doanh nghiệp tuyển dụng lao động về mức độ phù hợp của phí mua dịch vụ việc làm	101
Bảng 3.14: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp tuyển dụng lao động về độ tin cậy đối với trung tâm dịch vụ việc làm	101
Bảng 3.15: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp tuyển dụng lao động về năng lực phục vụ của các cơ sở dịch vụ việc làm	102
Bảng 3.16: Tỷ lệ doanh nghiệp tuyển dụng lao động tìm được nhân sự phù hợp với nhu cầu tuyển dụng	103
Bảng 3.17: Tỷ lệ doanh nghiệp tuyển dụng lao động tiếp tục sử dụng dịch vụ của các cơ sở dịch vụ việc làm	103
Bảng 3.18: Tỷ lệ người lao động có việc làm/ số người lao động được giới thiệu việc làm	104
Bảng 3.19: Tỷ lệ người lao động có việc làm ổn định/ người lao động có việc làm	105
Bảng 3.20: Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất của các trung tâm dịch vụ việc làm	112
Bảng 3.21: Đánh giá của người lao động về cơ sở vật chất, trang thiết bị của trung tâm dịch vụ việc làm	113
Bảng 3.22: Kênh thông tin người lao động biết đến trung tâm dịch vụ việc làm	114
Bảng 3.23: Kênh thông tin doanh nghiệp tuyển dụng lao động biết đến trung tâm dịch vụ việc làm	115

DANH MỤC CÁC HÌNH

Trang

Hình 3.1: Số dân cư/bình quân 1 lao động hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	80
Hình 3.2: Số lượt người lao động được tư vấn tại các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	82
Hình 3.3: Số lượng nghề đào tạo qua các năm của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	83
Hình 3.4: Số lượng nghề đào tạo thu hút được người lao động và phù hợp với nhu cầu xã hội của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	85
Hình 3.5: Số lượt người lao động được đào tạo nghề tại các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009 - 2016	86
Hình 3.6: Số lượt người lao động được cung cấp thông tin thị trường lao động của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009 - 2016	88
Hình 3.7: Số người được giới thiệu việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009 - 2016	91
Hình 3.8: Số lao động có việc làm qua các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	92
Hình 3.9: Số lao động có việc làm ổn định của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2009-2016	95

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trên thế giới hoạt động dịch vụ việc làm (DVVL) xuất hiện từ rất sớm. Tại một số nước công nghiệp phát triển như Anh, Pháp, Đức...hoạt động này xuất hiện từ cuối thế kỷ 19, như là một giải pháp hữu hiệu để hạn chế tình trạng thất nghiệp gia tăng vào thời điểm bấy giờ. Ngày nay, hoạt động DVVL đã có mặt ở hầu hết các nước trên thế giới. Đặc biệt, trước tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với vấn đề lao động, việc làm, thì phát triển DVVL càng được nhiều nước coi như là một công cụ hữu hiệu để thực thi và giám sát các chính sách việc làm, điều tiết thị trường lao động (TTLĐ) và ngăn chặn thất nghiệp.

Ở Việt Nam, DVVL xuất hiện vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20 nhằm đáp ứng yêu cầu bức xúc về việc làm. Trải qua gần 30 năm phát triển, DVVL đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành. Tính đến năm 2017, cả nước có 130 trung tâm DVVL công và hơn 3.000 doanh nghiệp DVVL tư nhân. Sự phát triển của DVVL đã đóng góp to lớn vào giải quyết việc làm, giảm thất nghiệp. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), giai đoạn 2011-2016, riêng các trung tâm DVVL trên toàn quốc đã tổ chức được 5.579 phiên giao dịch việc làm (GDVL), đã tư vấn cho gần 14 triệu lượt người lao động (NLĐ) và tạo điều kiện cho hơn 4,9 triệu lượt lao động được giới thiệu việc làm (GTVL), trong đó có hơn 3,2 triệu lượt người được tuyển dụng [18, tr.9]. Tuy nhiên, DVVL mới chủ yếu phát triển ở các thành phố, khu đô thị, khu công nghiệp (KCN), gần như mạng lưới DVVL chưa bao phủ đến vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Sự phối hợp hoạt động giữa các trung tâm DVVL, với các doanh nghiệp DVVL, người sử dụng lao động còn hạn chế. Cơ chế, chính sách, khung pháp lý và cơ cấu tổ chức hoạt động của hệ thống DVVL còn bất cập; trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác DVVL còn yếu; năng lực hoạt động tư vấn, GTVL. Hệ thống thông tin TTLĐ, việc làm chính thức chưa phát triển mạnh,

chưa có các trung tâm giao dịch việc làm lớn đạt hiệu quả cấp khu vực. Các cơ sở DVVL chủ yếu tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, hoạt động chưa hiệu quả, mới chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu thông tin của người lao động tìm việc làm.

Trên địa bàn Hà Nội, trung tâm DVVL đầu tiên xuất hiện vào năm 1990. Trải qua nhiều thăng trầm, tính đến nay (2017), Hà Nội có 7 trung tâm DVVL công (năm 2016 có 8 trung tâm). Các trung tâm này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức đoàn thể thành lập. Các trung tâm này đã có nhiều đóng góp quan trọng vào giải quyết việc làm, giảm thất nghiệp trên địa bàn. Chỉ tính riêng giai đoạn 2009-2016, bình quân hàng năm các trung tâm này đã tư vấn, cung cấp thông tin TTLĐ cho hàng trăm nghìn lượt NLĐ; đã thực hiện đào tạo và đào tạo lại nghề cho hàng chục nghìn lượt NLĐ và GTVL, kết nối việc làm thành công cho hàng chục nghìn NLĐ...

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động DVVL trên địa bàn Hà Nội còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, như: Các trung tâm DVVL chủ yếu tập trung ở một số quận nội thành như Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Cầu Giấy, Hà Đông. Đến nay một số huyện ngoại thành vẫn không có trung tâm DVVL nào hoạt động như Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Phú Xuyên...; Đa dạng hóa nội dung, hình thức và gia tăng kết quả các hoạt động DVVL chưa đồng đều giữa các trung tâm; Chất lượng DVVL chưa cao, nhiều lao động được GTVL vẫn không tìm được việc làm, nhiều doanh nghiệp tuyển dụng lao động còn khó khăn trong tìm kiếm lao động phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trung tâm DVVL rất nghèo nàn, lạc hậu, thậm chí có trung tâm phải mượn địa điểm để hoạt động như trung tâm DVVL Ban quản lý KCN, Khu chế xuất (KCX); Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực làm việc trong các trung tâm DVVL còn nhiều bất cập cả về số lượng và chất lượng; Quản lý nhà nước đối với DVVL còn lỏng lẻo, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; cơ chế hoạt động chưa hợp lý dẫn đến tình trạng một số trung tâm và doanh nghiệp DVVL hoạt động bất hợp pháp,